

**Phụ lục I**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BÃI BỎ THUỘC**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG BẮC GIANG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI**

| TT       | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết <sup>1</sup>  | Thời hạn giải quyết |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             | Ghi chú |
|----------|------------|-----------------------------|---|---------------------|--------------|--|-----------------------------|-------------|--|-------------|---------|
|          |            |                             |   | Theo quy định       | Sau cắt giảm | Sở Công Thương                                     | Cơ quan phối hợp giải quyết |             | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |         |
| <b>I</b> | <b>I</b>   |                             |   |                     |              |  |                             |             |  |             |         |
|          |            | <b>Hóa chất</b>             |   |                     |              |  |                             |             |  |             |         |
| 1        | 1          | 2.001547                    | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | MC                  | 12 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | Theo mức <sup>2</sup>                    | x           | x       |
| 2        | 2          | 2.001175                    | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất  | MC                  | 5 ngày       | 5 ngày   | 5 ngày                      |             | Theo mức <sup>3</sup>                    | x           | x       |

(1) - Cơ chế giải quyết: MCLT: Thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông; MC: Thực hiện theo cơ chế một cửa.

(2) - Phí thẩm định: 1.200.000đ/Giấy chứng nhận

(3) - Phí thẩm định: 600.000đ/Giấy chứng nhận

| TT | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết <sup>1</sup> | Thời hạn giải quyết  |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             | Ghi chú |  |
|----|------------|-----------------------------|--------------------------------|--|--------------|--|-----------------------------|-------------|--|-------------|---------|--|
|    |            |                             |                                | Theo quy định  | Sau cắt giảm | Sở Công Thương                                     | Cơ quan phối hợp giải quyết |             | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |         |  |
|    |            |                             |                                |  |              |  |                             |             |  |             |         |  |
| 3  | 3          | 2.001172                    |                                | sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp   | MC           | 12 ngày  | 7 ngày                      | 7 ngày      |  |             |         |  |
| 4  | 4          | 1.002758                    |                                | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | MC           | 12 ngày  | 7 ngày                      | 7 ngày      |  |             |         |  |
| 5  | 5          | 2.001161                    |                                | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp          | MC           | 5 ngày   | 5 ngày                      | 5 ngày      |  |             |         |  |
| 6  | 6          | 2.000652                    |                                | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp        | MC           | 12 ngày  | 7 ngày                      | 7 ngày      |  |             |         |  |

| TT        | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính  | Cơ chế giải quyết <sup>1</sup>  | Thời hạn giải quyết |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí, lệ phí           | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             | Ghi chú |
|-----------|------------|--|---|---------------------|--------------|--|-----------------------------|-----------------------|--|-------------|---------|
|           |            |  |   | Theo quy định       | Sau cắt giảm | Sở Công Thương                                     | Cơ quan phối hợp giải quyết |                       | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |         |
|           |            | nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp |   |                     |              |  |                             |                       |  |             |         |
| <b>II</b> | <b>II</b>  | <b>An toàn thực phẩm</b>   |   |                     |              |  |                             |                       |  |             |         |
| 7         | 1          | 2.000591   | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện     | MC                  | 25 ngày      | 15 ngày  | 15 ngày                     | Theo mức <sup>4</sup> | x  | x           |         |
| 8         | 2          | 2.000535   | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | MC                  |              |  |                             |                       | x  | x           |         |
|           | -          | -  | <i>Trường hợp 1:</i> <sup>5</sup>   | MC                  | 3 ngày       | 3 ngày   | 3 ngày                      | Không                 |  |             |         |

<sup>4</sup> - Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000đ/1 lần/cơ sở; Đối với cơ sở sản xuất: 2.500.000đ/1 lần/cơ sở.

<sup>5</sup> Trường hợp 1: Đối với trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

| TT         | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết <sup>1</sup>                                 | Thời hạn giải quyết |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             | Ghi chú |
|------------|------------|-----------------------------|--|---------------------|--------------|--|-----------------------------|-------------|--|-------------|---------|
|            |            |                             |  | Theo quy định       | Sau cắt giảm | Sở Công Thương                                     | Cơ quan phối hợp giải quyết |             | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |         |
|            |            | -                           | <i>Trường hợp 2:</i> <sup>6</sup>                              | MC                  | 25 ngày      | 15 ngày  | 15 ngày                     |             | Theo mức <sup>4</sup>                    |             |         |
|            |            | -                           | <i>Trường hợp 3:</i> <sup>7</sup>                              | MC                  | 3 ngày       | 3 ngày   | 3 ngày                      |             | Không                                    |             |         |
|            |            | -                           | <i>Trường hợp 4:</i> <sup>8</sup>                              | MC                  | 3 ngày       | 3 ngày   | 3 ngày                      |             | Không                                    |             |         |
| <b>III</b> | <b>III</b> |                             | <b>Công nghiệp tiêu dùng</b>                                   |                     |              |  |                             |             |  |             |         |
| 9          | 1          | 2.000637                    | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá     | MC                  | 10 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | 2.200.000 đồng/lần thẩm định /hồ sơ      | x           | x       |
| 10         | 2          | 2.000640                    | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá | MC                  | 15 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | 2.200.000 đồng/lần thẩm định /hồ sơ      | x           | x       |
| 11         | 3          | 2.000197                    | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ                        | MC                  | 15 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | 2.200.000 đồng/lần thẩm định             | x           | x       |

<sup>6</sup> Trường hợp 2: Đối với trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt bằng kinh doanh và khi giấy chứng nhận hết hiệu lực.

<sup>7</sup> Trường hợp 3: Đối với trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt bằng kinh doanh.

<sup>8</sup> Trường hợp 4: Đối với Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

| TT | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết <sup>1</sup> | Thời hạn giải quyết   |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             | Ghi chú |
|----|------------|-----------------------------|--------------------------------|---|--------------|--|-----------------------------|-------------|--|-------------|---------|
|    |            |                             |                                | Theo quy định   | Sau cắt giảm | Sở Công Thương                                     | Cơ quan phối hợp giải quyết |             | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |         |
|    |            |                             |                                |   |              |  |                             | /hồ sơ      |  |             |         |
| 12 | 4          | 2.000626                    |                                | điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá                                   |              |  |                             |             |  |             |         |
|    |            |                             | MC                             | Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                            | 10 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |
| 13 | 5          | 2.000204                    |                                | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá           |              |  |                             |             |  |             |         |
|    |            |                             | MC                             | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá           | 15 ngày      | 10 ngày  | 10 ngày                     |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |
| 14 | 6          | 2.000622                    |                                | Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                        |              |  |                             |             |  |             |         |
|    |            |                             | MC                             | Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                        | 15 ngày      | 10 ngày  | 10 ngày                     |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |
| 15 | 7          | 2.001646                    |                                | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) |              |  |                             |             |  |             |         |
|    |            |                             | MC                             | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) | 15 ngày      | 10 ngày  | 10 ngày                     |             | 2.200.000 đồng/lần thẩm định /hồ sơ      | x           | x       |
| 16 | 8          | 2.001636                    |                                | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô      |              |  |                             |             |  |             |         |
|    |            |                             | MC                             | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô      | 7 ngày       | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | 2.200.000 đồng/lần thẩm định /hồ sơ      | x           | x       |

<sup>9</sup> - Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

| TT        | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết <sup>1</sup>   | Thời hạn giải quyết |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             | Ghi chú |  |
|-----------|------------|-----------------------------|--|---------------------|--------------|--|-----------------------------|-------------|--|-------------|---------|--|
|           |            |                             |  | Theo quy định       | Sau cắt giảm | Sở Công Thương                                     | Cơ quan phối hợp giải quyết |             | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |         |  |
|           |            |                             |  |                     |              |  |                             |             |  |             |         |  |
|           |            |                             |  |                     |              |  |                             |             |  |             |         |  |
| 17        | 9          | 2.001630                    | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)      | MC                  | 7 ngày       | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | 2.200.000 đồng/lần thẩm định /hồ sơ      | x           | x       |  |
| <b>IV</b> | <b>IV</b>  |                             | <b>Lưu thông hàng hóa</b>  |                     |              |  |                             |             |  |             |         |  |
| 18        | 1          | 2.000190                    | Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá                                       | MC                  | 15 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |  |
| 19        | 2          | 2.000176                    | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá                      | MC                  | 15 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |  |
| 20        | 3          | 2.000167                    | Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá                                   | MC                  | 15 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |  |
| 21        | 4          | 2.001624                    | Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | MC                  | 15 ngày      | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |  |
| 22        | 5          | 2.001619                    | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên                              | MC                  | 7 ngày       | 7 ngày   | 7 ngày                      |             | Theo mức <sup>9</sup>                    | x           | x       |  |

| TT       | Mã số TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính                   | Cơ chế giải quyết <sup>1</sup> | Thời hạn giải quyết |              | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) |                             | Phí, lệ phí           | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích |             | Ghi chú |
|----------|------------|---|--------------------------------|---------------------|--------------|--|-----------------------------|-----------------------|--|-------------|---------|
|          |            |   |                                | Theo quy định       | Sau cắt giảm | Sở Công Thương                                     | Cơ quan phối hợp giải quyết |                       | Tiếp nhận hồ sơ                          | Trả kết quả |         |
|          |            | địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |                                |                     |              |  |                             |                       |  |             |         |
| 23       | 6          | 2.000636                                      | MC                             | 7 ngày              | 7 ngày       | 7 ngày   |                             | Theo mức <sup>9</sup> | x  | x           |         |
| <b>V</b> | <b>V</b>   | <b>Kinh doanh khí</b>                         |                                |                     |              |  |                             |                       |  |             |         |
| 24       | 1          | 2.000142                                      | MC                             | 15 ngày             | 10 ngày      | 10 ngày  |                             | Theo mức <sup>9</sup> | x  | x           |         |
| 25       | 2          | 2.000166                                      | MC                             | 15 ngày             | 10 ngày      | 10 ngày  |                             | Theo mức <sup>9</sup> | x  | x           |         |
| 26       | 3          | 2.000354                                      | MC                             | 15 ngày             | 10 ngày      | 10 ngày  |                             | Theo mức <sup>9</sup> | x  | x           |         |

**Ghi chú:** Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: **Trung tâm Phục vụ hành chính công.**

+ Địa chỉ: Khu liên cơ quan, Quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

+ Website: <http://dichvucong.bacgiang.gov.vn>;

+ Số điện thoại lễ tân/tổng đài: (0204) 3531.111;

+ Số điện thoại trực tiếp nhận hồ sơ của Sở Công Thương: (0204) 3854.466.

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính  | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính   | Lĩnh vực          | Ghi chú  |
|-----|---------------|---|--|-------------------|--|
| 1   | 2.000607      | Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương   | Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;<br>Thông tư số 13/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. | An toàn thực phẩm | TTHC đã công bố tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 2   | 2.000484      | Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV) | Thông tư số 13/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về đầu tư kinh doanh  | Năng lượng        |  |



| <b>STT</b> | <b>Số hồ sơ<br/>TTHC</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b> | <b>Tên VBQPPL quy định việc bãi<br/>bỏ thủ tục hành chính</b> | <b>Lĩnh vực</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|--------------------------|-------------------------------|---|-----------------|----------------|
|            |                          |                               | thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước<br>của Bộ Công Thương         |                 |                |

## PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### I. HÓA CHẤT

#### 1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

##### - *Trình tự thực hiện:*

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận;

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

##### - *Cách thức thực hiện:*

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất.

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

##### - *Thành phần hồ sơ:*

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc Xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

+ Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo đủ điều kiện an toàn về phòng

cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa;

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất;

+ Bản sao bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất;

+ Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định.

- *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất

- ***Phí, Lệ phí:*** Phí thẩm định: 1.200.000đ/giấy chứng nhận

(Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu 01a Phụ lục 01 của Thông tư 32/2017/TT-BCT (đính kèm theo).

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

*Điều kiện sản xuất:*

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

**Mẫu 01a****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Tên tổ chức, cá nhân <sup>(1)</sup>Số: ..... <sup>(2)</sup>..... <sup>(3)</sup>, ngày ..... tháng .... năm .....**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương.....

Tên tổ chức/cá nhân:..... <sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính: ....., Điện thoại: ..... Fax: .

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Loại hình: Sản xuất  Kinh doanh 

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:**1. Hóa chất sản xuất:**

| T<br>T | Tên<br>thương<br>mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần <sup>(5)</sup> |          |                                 |              | Khối<br>lượng <sup>(6)</sup> | Đơn vị<br>tính <sup>(7)</sup> | Ghi<br>chú |
|--------|----------------------|--|----------|---------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------------------|------------|
|        |                      | Tên<br>hóa học                                   | Mã CAS   | Công<br>thức<br>hóa học         | Hàm<br>lượng |                              |                               |            |
|        | VD:<br>ABC           | Axeton   | 67-64-1  | C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> O | 30%          | 100                          | Tấn/năm                       |            |
|        |                      | Toluen   | 108-88-3 | C <sub>7</sub> H <sub>8</sub>   | 20%          |                              |                               |            |
|        |                      |  |          |                                 |              |                              |                               |            |
|        |                      |  |          |                                 |              |                              |                               |            |

**2. Hóa chất kinh doanh:**

| T<br>T | Tên<br>thương<br>mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần <sup>(5)</sup> |          |                                 |              | Khối<br>lượng <sup>(6)</sup> | Đơn vị<br>tính <sup>(7)</sup> | Ghi<br>chú |
|--------|----------------------|--|----------|---------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------------------|------------|
|        |                      | Tên hóa<br>học                                   | Mã CAS   | Công<br>thức<br>hóa học         | Hàm<br>lượng |                              |                               |            |
|        | VD:<br>ABC           | Axeton   | 67-64-1  | C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> O | 30%          | 500                          | Tấn/năm                       |            |
|        |                      | Toluen   | 108-88-3 | C <sub>7</sub> H <sub>8</sub>   | 20%          |                              |                               |            |
|        |                      |  |          |                                 |              |                              |                               |            |
|        |                      |  |          |                                 |              |                              |                               |            |

..... <sup>(1)</sup> xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ..... <sup>(1)</sup> xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... <sup>(1)</sup> gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;
- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

## **2. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

### ***-Trình tự thực hiện:***

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và đến Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

### ***- Cách thức thực hiện:***

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất.

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

### ***- Thành phần hồ sơ:***

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng;

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- ***Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất

- ***Phí, Lệ phí: Phí thẩm định:*** 600.000đ/giấy chứng nhận

(Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

### ***- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu 01b Phụ lục 01 của Thông tư 32/2017/TT-BCT (đính kèm theo)

### ***- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

\****Điều kiện chung:***

- ***Điều kiện sản xuất***

+ Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

+ Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

+ Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

*\*Điều kiện riêng:*

*Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.



**Mẫu 01b**Tên tổ chức, cá nhân <sup>(1)</sup>**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ..... <sup>(2)</sup>..... <sup>(3)</sup>, ngày ..... tháng .... năm .....**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân:..... <sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính :Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:.....Điện thoại: .....Fax: .....

Loại hình: Sản xuất  Kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số .....do  
..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện  
..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số  
..... <sup>(5)</sup> ngày.....tháng.....năm....., giải trình lý do đề nghị cấp lại:..... <sup>(6)</sup>..... <sup>(1)</sup> xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị  
định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết  
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất , nếu vi phạm ..... <sup>(1)</sup> xin  
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...... <sup>(1)</sup> gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: ..... <sup>(7)</sup>**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký lại cấp giấy chứng nhận;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

### **3. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

#### **- Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất;

- Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và điều chỉnh Giấy phép.

- Trường hợp không cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

#### **- Cách thức thực hiện:**

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất.

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

#### **- Thành phần hồ sơ:**

\*Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất

- Phí, Lệ phí: **Phí thẩm định: 600.000đ/giấy chứng nhận**

(Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

#### **- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu 01c Phụ lục 01 của Thông tư 32/2017/TT-BCT (đính kèm theo)

#### **- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\*Điều kiện chung:

Điều kiện sản xuất:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề sản xuất hóa chất;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

*\*Điều kiện riêng:*

Trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

**Mẫu 01c**

Tên tổ chức, cá nhân <sup>(1)</sup> **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... <sup>(2)</sup>

..... <sup>(3)</sup>, ngày ..... tháng .... năm .....

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân:..... <sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính tại: ....., Điện thoại: .....Fax

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:....., Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất  Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ..... do  
 ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện  
 ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp  
 số..... <sup>(5)</sup> ngày.... tháng...năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao  
 gồm:..... <sup>(6)</sup>

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:..... <sup>(7)</sup>

..... <sup>(1)</sup> xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị  
 định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết  
 và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ..... <sup>(1)</sup> xin hoàn  
 toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật..... <sup>(1)</sup> gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên  
 quan, bao gồm:..... <sup>(8)</sup>

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký tên và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

#### **4. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

##### **- Trình tự thực hiện:**

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh;

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

##### **- Cách thức thực hiện:**

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

##### **- Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

- Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh;

- Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc Xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy, chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;;

- Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

- Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất;
- Bản sao bằng cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;
- Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;
- Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định.
- *Số lượng bộ hồ sơ:* 01 bộ
- ***Thời hạn giải quyết:*** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- ***Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh
- ***Phí, Lệ phí:*** Phí thẩm định: 1.200.000đ/giấy chứng nhận (Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).
- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***  
Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu 01a Phụ lục 01 của Thông tư 32/2017/TT-BCT (đính kèm theo)
- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***  
*Điều kiện kinh doanh:*
  - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh hóa chất;
  - Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;
  - Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
  - Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;
  - Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.
  - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.
- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
  - Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
  - Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;
  - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**Mẫu 01a**Tên tổ chức, cá nhân <sup>(1)</sup>**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ..... <sup>(2)</sup>..... <sup>(3)</sup>, ngày ..... tháng .... năm .....**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương.....

Tên tổ chức/cá nhân:..... <sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính: ....., Điện thoại: ..... Fax: .

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: .....Điện thoại: .....Fax: .....

Loại hình: Sản xuất  Kinh doanh 

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:**1. Hóa chất sản xuất:**

| TT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần <sup>(5)</sup> |          |                                 |           | Khối lượng <sup>(6)</sup> | Đơn vị tính <sup>(7)</sup> | Ghi chú |
|----|----------------|--|----------|---------------------------------|-----------|---------------------------|----------------------------|---------|
|    |                | Tên hóa học                                      | Mã CAS   | Công thức hóa học               | Hàm lượng |                           |                            |         |
|    | VD:<br>ABC     | Axeton   | 67-64-1  | C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> O | 30%       | 100                       | Tấn/năm                    |         |
|    |                | Toluen   | 108-88-3 | C <sub>7</sub> H <sub>8</sub>   | 20%       |                           |                            |         |
|    |                |  |          |                                 |           |                           |                            |         |

**2. Hóa chất kinh doanh:**

| TT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần <sup>(5)</sup> |          |                                 |           | Khối lượng <sup>(6)</sup> | Đơn vị tính <sup>(7)</sup> | Ghi chú |
|----|----------------|--|----------|---------------------------------|-----------|---------------------------|----------------------------|---------|
|    |                | Tên hóa học                                      | Mã CAS   | Công thức hóa học               | Hàm lượng |                           |                            |         |
|    | VD:<br>ABC     | Axeton   | 67-64-1  | C <sub>3</sub> H <sub>6</sub> O | 30%       | 500                       | Tấn/năm                    |         |
|    |                | Toluen   | 108-88-3 | C <sub>7</sub> H <sub>8</sub>   | 20%       |                           |                            |         |
|    |                |  |          |                                 |           |                           |                            |         |

..... <sup>(1)</sup> xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết



và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm .....<sup>(1)</sup> xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....<sup>(1)</sup> gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

.....<sup>(8)</sup> .....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ  
NHÂN**

(Ký tên và đóng dấu)

***Ghi chú:***

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;

- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;

- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

## **5. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

### **- Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận và gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; đến Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính.

- Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh.

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

### **- Thành phần hồ sơ:**

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận;

- Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng;

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh

- Phí, Lệ phí: **Phí thẩm định:** 600.000đ/giấy chứng nhận

(Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

### **- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu 01b Phụ lục 01 của Thông tư 32/2017/TT-BCT (đính kèm theo)

### **- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\*Điều kiện chung:

Điều kiện kinh doanh:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh hóa chất;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**\*Điều kiện riêng:**

Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**Mẫu 01b**Tên tổ chức, cá nhân <sup>(1)</sup>**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ..... <sup>(2)</sup>..... <sup>(3)</sup>, ngày ..... tháng .... năm .....**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân:..... <sup>(1)</sup> .....

Địa chỉ trụ sở chính :Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:.....Điện thoại: .....Fax: .....

Loại hình: Sản xuất  Kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số .....do  
..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện  
..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số  
..... <sup>(5)</sup> ngày.....tháng.....năm....., giải trình lý do đề nghị cấp lại:..... <sup>(6)</sup>..... <sup>(1)</sup> xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị  
định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết  
và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất , nếu vi phạm ..... <sup>(1)</sup> xin  
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...... <sup>(1)</sup> gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: ..... <sup>(7)</sup>**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký lại cấp giấy chứng nhận;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

## **6. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

### **- Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận và gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Trong thời gian 07 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận.

- Trường hợp không cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

- Qua Bưu điện.

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh.

- Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến

### **- Thành phần hồ sơ:**

\* Hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận bao gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh;

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh.

- **Phí, Lệ phí:** Phí thẩm định: 600.000đ/giấy chứng nhận

(Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

### **- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu 01c Phụ lục 01 của Thông tư 32/2017/TT-BCT (đính kèm theo)

### **- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\*Điều kiện chung:

*Điều kiện kinh doanh:*

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề kinh doanh hóa chất;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;
- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.
- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

*\*Điều kiện riêng:*

*Trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh*

***- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**Mẫu 01c**Tên tổ chức, cá nhân <sup>(1)</sup>**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: ..... <sup>(2)</sup>..... <sup>(3)</sup>, ngày ..... tháng .... năm .....**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ****Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân:..... <sup>(1)</sup>

Địa chỉ trụ sở chính tại: ....., Điện thoại: .....Fax

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:....., Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất  Kinh doanh 

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ..... <sup>(4)</sup> hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số..... <sup>(5)</sup> ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:..... <sup>(6)</sup>Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:..... <sup>(7)</sup> ..... <sup>(1)</sup> xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ..... <sup>(1)</sup> xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật...... <sup>(1)</sup> gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:..... <sup>(8)</sup>**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;

- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;

- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;

- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

## II. AN TOÀN THỰC PHẨM

### 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

#### - *Trình tự thực hiện:*

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

- Thủ tục, quy trình cấp Giấy chứng nhận

+ Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi thì hồ sơ không còn giá trị.

+ Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp trên ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải gửi Biên bản thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận.

Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định gồm từ 03 đến 05 thành viên, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên làm công tác chuyên môn về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm (có bằng cấp về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm) hoặc quản lý về an toàn thực phẩm (đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia). Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

+ Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

+ Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở

Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm;

Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định



lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị;

Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

+ Cấp Giấy chứng nhận

Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở

- **Cách thức thực hiện:**

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;

d) Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

đ) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cá nhân, Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- **Phí, lệ phí:** - Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000đ/lần/cơ sở;

- Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000đ/lần/cơ sở.

(Theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/8/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\*Điều kiện chung:

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

\*Điều kiện riêng:

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

**Mẫu số 01a****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----  
*Địa danh, ngày .... tháng .... năm 20..***ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**  
-----

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp): .....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm  
cho:

- Cơ sở sản xuất o
  - Cơ sở kinh doanh<sup>1,2</sup> o
  - Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh o
  - Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm o
- (tên cơ sở) .....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn  
trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**Hồ sơ gửi kèm gồm:**

- 
- 
- 
- 

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ***(Ký tên, đóng dấu)*

chuỗi (1) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc

(2) : Danh sách nhóm sản phẩm

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

| STT | Tên cơ sở thuộc chuỗi | Địa chỉ | Thời hạn GCN | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------|--------------|---------|
| 1   |                       |         |              |         |
| 2   |                       |         |              |         |
| 3   |                       |         |              |         |

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

| STT | Tên nhóm sản phẩm  | Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận |
|-----|--|--|
|     | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</b> |  |
| 1   | Bia  |  |
| 2   | Rượu, Cồn và đồ uống có cồn                              |  |
| 3   | Nước giải khát   |  |
| 4   | Sữa chế biến   |  |
| 5   | Dầu thực vật   |  |
| 6   | Bột, tinh bột  |  |
| 7   | Bánh, mứt, kẹo   |  |

**Mẫu số 02a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

-----

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

| TT       | Tên trang, thiết bị                    | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|--|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b> |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất       |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ bao gói sản phẩm               |          |  |            |     |         |
| 3        | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm     |          |  |            |     |         |
| 4        | Thiết bị bảo quản thực phẩm            |          |  |            |     |         |
| 5        | Thiết bị khử trùng, thanh trùng        |          |  |            |     |         |
| 6        | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ        |          |  |            |     |         |
| 7        | Thiết bị giám sát                      |          |  |            |     |         |

|   |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|
| 8   | Phương tiện rửa và khử trùng tay                                     |  |  |  |  |  |
| 9   | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu                                      |  |  |  |  |  |
| 10  | Phương tiện, thiết bị phòn chống côn trùng, động vật gây hại         |  |  |  |  |  |
| 11  | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| <b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b> |  |  |  |  |  |  |
| 1   |  |  |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

-----

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: ... ..
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: ....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

| TT       | Tên trang, thiết bị                               | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|---|----------|--|------------|-----|---------|
|          |   |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b> |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm         |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ trưng bày sản phẩm                        |          |  |            |     |         |
| 3        | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm       |          |  |            |     |         |
| 4        | Dụng cụ rửa và sát trùng tay                      |          |  |            |     |         |
| 5        | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                   |          |  |            |     |         |

|           |  |  |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|--|--|
| 6         | Trang bị bảo hộ  |  |  |  |  |  |
| 7         | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8         | Dụng cụ, thiết bị giám sát                                   |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>                       |  |  |  |  |  |
| 1         |  |  |  |  |  |  |
| 2         |  |  |  |  |  |  |
| 3         |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



## **2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện**

### **- Trình tự thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

### **- Trình tự thực hiện :**

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện :**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;

- Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích).

- Công thông tin điện tử:

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

+ Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

c) *Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;*

d) Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

*đ) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.*

+ *Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh;*

a) *Đơn đề nghị cấp theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;*

b) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của chủ cơ sở);

c) Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.

+ *Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh*

a) *Đơn đề nghị cấp theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;*

b) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

c) Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).'

**- Thời hạn giải quyết:**

TH 1: 3 ngày làm việc

TH 2: 15 ngày làm việc

TH 3: 3 ngày làm việc

TH 4: 3 ngày làm việc

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cá nhân, Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**- Phí, lệ phí:**

+ TH1: Không

+ TH2: - Đối với cơ sở kinh doanh: 1.000.000đ/lần/cơ sở;

- Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000đ/lần/cơ sở.

(Theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.)

+ TH3: Không

+ TH4: Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu 1b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

+ Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

**\* Điều kiện chung**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.

**\* Điều kiện riêng**

a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;

d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.
- Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

**Mẫu số 01a****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----  
*Địa danh, ngày .... tháng .... năm 20..***ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**  
-----

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp): .....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm  
cho:

- Cơ sở sản xuất
  - Cơ sở kinh doanh<sup>1,2</sup>
  - Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
  - Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm
- (tên cơ sở) .....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn  
trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**Hồ sơ gửi kèm gồm:**

- 
- 
- 
- 

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ***(Ký tên, đóng dấu)*(1) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh  
thuộc chuỗi

(2) : Danh sách nhóm sản phẩm

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

| <b>STT</b> | <b>Tên cơ sở thuộc chuỗi</b> | <b>Địa chỉ</b> | <b>Thời hạn GCN</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|------------------------------|----------------|---------------------|----------------|
| 1          |                              |                |                     |                |
| 2          |                              |                |                     |                |
| 3          |                              |                |                     |                |

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

| <b>STT</b> | <b>Tên nhóm sản phẩm</b>                                 | <b>Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận</b> |
|------------|--|---|
|            | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</b> |   |
| 1          | Bia  |   |
| 2          | Rượu, Cồn và đồ uống có cồn                              |   |
| 3          | Nước giải khát   |   |
| 4          | Sữa chế biến   |   |
| 5          | Dầu thực vật   |   |
| 6          | Bột, tinh bột  |   |
| 7          | Bánh, mứt, kẹo   |   |

**Mẫu số 01b****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20 ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**  
-----

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp) .....

Tên cơ sở ..... đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ..... ngày cấp .....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định này):.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02a****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)****I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ****1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

| TT       | Tên trang, thiết bị                    | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|--|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b> |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất       |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ bao gói sản phẩm               |          |  |            |     |         |
| 3        | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm     |          |  |            |     |         |
| 4        | Thiết bị bảo quản thực phẩm            |          |  |            |     |         |
| 5        | Thiết bị khử trùng, thanh trùng        |          |  |            |     |         |
| 6        | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ        |          |  |            |     |         |

|           |  |  |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|--|--|
| 7         | Thiết bị giám sát  |  |  |  |  |  |
| 8         | Phương tiện rửa và khử trùng tay                                     |  |  |  |  |  |
| 9         | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu                                      |  |  |  |  |  |
| 10        | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại        |  |  |  |  |  |
| 11        | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>                       |  |  |  |  |  |
| 1         |  |  |  |  |  |  |
| 2         |  |  |  |  |  |  |
| 3         |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



-----

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

-----

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại: ..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: ... ..
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh .....m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

| TT       | Tên trang, thiết bị  | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|--|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>            |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm                    |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ trưng bày sản phẩm                                   |          |  |            |     |         |
| 3        | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm                  |          |  |            |     |         |
| 4        | Dụng cụ rửa và sát trùng tay                                 |          |  |            |     |         |
| 5        | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                              |          |  |            |     |         |
| 6        | Trang bị bảo hộ  |          |  |            |     |         |
| 7        | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |          |  |            |     |         |

|           |  |  |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|--|--|
| 8         | Dụng cụ, thiết bị giám sát             |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b> |  |  |  |  |  |
| 1         |  |  |  |  |  |  |
| 2         |  |  |  |  |  |  |
| 3         |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

### III. CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

#### 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

- **Trình tự, cách thức thực hiện:** Trình tự này áp dụng cho trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu và cấp lại do Giấy chứng nhận đã được cấp hết hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục đầu tư trồng cây thuốc lá. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại do Giấy chứng nhận hết hiệu lực như đối với trường hợp cấp lần đầu.

+ Doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá cho Sở Công Thương.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.

- **Cách thức thực hiện:**

+ Qua Bưu điện.

+ Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương.

+ Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bảng kê tổng hợp diện tích trồng cây thuốc lá, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá theo mẫu Phụ lục 5 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu Phụ lục 6 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

- **Phí thẩm định:** 2.200.000đ/1 lần/hồ sơ.

(Thông tư số 299/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá theo mẫu Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bảng kê tổng hợp diện tích trồng cây thuốc lá, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá theo mẫu Phụ lục 5 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu Phụ lục 6 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, bao gồm:*

+ Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

+ Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người: Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm.

+ Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

*Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

+ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

+ *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*



**Phụ lục 5**

| <b>Số TT</b>     | <b>Loại cây thuốc lá</b> | <b>Địa điểm trồng cây thuốc lá(1)</b> | <b>Diện tích (ha)</b> | <b>Năng suất (tấn/ha)</b> | <b>Sản lượng (tấn)</b> |
|------------------|--------------------------|---------------------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------|
| 1                | Thuốc lá vàng sậy        |                                       |                       |                           |                        |
| 2                | Thuốc lá Burley          |                                       |                       |                           |                        |
| 3                | Thuốc lá Nâu             |                                       |                       |                           |                        |
| ...              | Thuốc lá....             |                                       |                       |                           |                        |
| <b>Tổng cộng</b> |                          |                                       |                       |                           |                        |

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(ký tên và đóng dấu)

*Chú thích:*

(1): Ghi rõ tên xã, huyện, tỉnh nơi dự kiến trồng cây thuốc lá.



## 2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

- **Trình tự, cách thức thực hiện:** Trình tự này áp dụng cho trường hợp Giấy chứng nhận đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy (trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá hết hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp lần đầu).

+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá cho Sở Công Thương.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

+ Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

### - **Cách thức thực hiện:**

+ Qua Bru điện.

+ Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương.

+ Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

### - **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ gồm:**

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá theo mẫu Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp (nếu có).

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp trồng cây thuốc lá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá hết thời hạn hiệu lực.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

- **Phí thẩm định:** 2.200.000đ/1 lần/hồ sơ.

(Thông tư số 299/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá).

### - **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá theo mẫu Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

### - **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, bao gồm:

+ Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

+ Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người: Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm.

+ Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.



**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

+ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

+ *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*



+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá cho Sở Công Thương.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

+ Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Qua Bru điện.

+ Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương.

+ Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá theo mẫu Phụ lục 26 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cấp.

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp trồng cây thuốc lá đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

- Phí thẩm định: 2.200.000đ/1 lần/hồ sơ.

(Thông tư số 299/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá).

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá theo mẫu Phụ lục 26 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, bao gồm:

+ Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

+ Điều kiện về quy mô đầu tư, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và con người: Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm.

+ Điều kiện về quy trình kinh doanh nguyên liệu thuốc lá.

Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

+ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

+ *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*



#### **4. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá**

##### **- Trình tự, cách thức thực hiện:**

+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho Sở Công Thương

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

+ Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

##### **- Cách thức thực hiện:**

+ Qua Bưu điện;

+ Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương.

+ Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

##### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác.

+ Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

- Phí thẩm định: - Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên

(Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa).

##### **- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác.

##### **- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

+ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

+ *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

**Phụ lục 8**

**TÊN DOANH NGHIỆP      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**-----**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**-----**

Số:     /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi: ..... (1)

1. Tên doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....Điện thoại: .....Fax:.....;
3. Văn phòng đại diện (nếu có)..... Điện thoại.....Fax.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
5. Đề nghị ..... (1) xem xét cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:

- Loại nguyên liệu thuốc lá: ..... (2)

- Được phép nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá của các doanh nghiệp: ..... (3)

- Những hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm: .....

.....(4) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  
*(ký tên và đóng dấu)*

*Chú thích:*

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép
- (2): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá (ví dụ: lá thuốc lá, sợi thuốc lá, thuốc lá tằm, lá tách cọng...).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các doanh nghiệp ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.
- (4): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép



## **5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá**

### **- Trình tự, cách thức thực hiện:**

+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho Sở Công Thương

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

+ Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Qua Bưu điện;

+ Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương.

+ Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp theo mẫu Phụ lục 28 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

- Phí thẩm định: - Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

*(Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa).*

### **- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp theo mẫu Phụ lục 28 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

### **- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

+ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

+ *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

**Phụ lục 28****TÊN DOANH NGHIỆP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP MUA BÁN  
NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi: .....(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:.....;

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp  
ngày.....tháng..... năm.....4. Đã được.....(1) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá  
số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)5. Đề nghị ....(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện  
đầu tư trồng cây thuốc lá với nội dung sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung của  
doanh nghiệp*):

- Thông tin cũ:.....(3)

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

- Lý do sửa đổi, bổ sung:.....

- Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp***(ký tên và đóng dấu)**Chú thích:*

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.

(2): Nếu đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy.

(3): Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung ghi trong Giấy phép cũ.

(4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

(5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

## **6. Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá**

### **- Trình tự, cách thức thực hiện:**

*Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:* Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp lần đầu.

*Trường hợp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:*

+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá cho Sở Công Thương

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

+ Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

### **- Cách thức thực hiện:**

+ Qua Bru điện;

+ Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương.

+ Nộp qua mạng điện tử theo địa chỉ do Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá theo mẫu Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Bản sao Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp (nếu có).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá hết thời hạn hiệu lực, bị mất, bị hỏng.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

- Phí thẩm định: - Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

*(Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa).*

### **- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp, hết thời hạn hiệu lực theo theo mẫu Phụ lục 8 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đã được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy theo mẫu Phụ lục 36 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

### **- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

+ Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP.

+ Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

+ Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

+ *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*



**Phụ lục 36**

**TÊN DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 -----  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**  
**GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: .....(1)

1. Tên doanh nghiệp:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:.....
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
4. Đã được.....(1) cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá số...ngày...tháng...năm... và đã được cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ... (nếu có).....(2)
5. Đề nghị ....(1) xem xét cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá với lý do sau:.....(3)

Hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:.....(4)

.....(5) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**

*(ký tên và đóng dấu)*

**Chú thích:**

- (1): Tên cơ quan cấp Giấy phép.
- (2): Nếu Giấy phép đã được cấp sửa đổi, bổ sung thì ghi rõ ngày, tháng, năm, lần thứ mấy
- (3): Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (4): Hồ sơ liên quan đến nội dung đề nghị cấp lại Giấy phép.
- (5): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép.

## **7. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)**

### **- Trình tự, cách thức thực hiện:**

+ Đại diện tổ chức đến nộp hồ sơ và phí thẩm định (kiểm tra) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong thời hạn 10 (mười bốn) ngày sẽ tổ chức kiểm tra, thẩm định, nếu đạt thì cấp Giấy phép sản xuất rượu theo quy định; nếu không đạt thì từ chối cấp (có văn bản trả lời nêu rõ lý do).

### **- Cách thức thực hiện**

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương: Trung tâm Phục vụ hành chính công, tầng 2 trụ sở liên cơ quan, Quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

3. Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000)

4. Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

6. Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tham gia lĩnh vực hoạt động sản xuất rượu theo đúng quy định.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

- **Phí thẩm định:** 2.200.000 đồng.

(Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp. (Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh rượu).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.



- + Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.
- + Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.
- + Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.
- + Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.
- + Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

*(Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu)*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- + Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- + Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- + *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*
- + Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;
- + Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá;
- + Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

**Mẫu số 01****TÊN THƯƠNG NHÂN**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**<sup>(1)</sup>Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa điểm sản xuất/kinh d..... Điện thoại:.....

Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ..... do..... cấp ngày..... tháng ..... năm .....

Đề nghị.....<sup>(2)</sup> ..... xem xét cấp Giấy phép.....<sup>(1)</sup> ....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: .....<sup>(3)</sup> .....

Quy mô sản xuất sản phẩm  
rượu: .....<sup>(4)</sup> .....

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: .....<sup>(3)</sup> ..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.....<sup>5)</sup> .....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: .....

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: .....<sup>(3)</sup> ..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:.....<sup>(5)</sup> .....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: .....

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: .....

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: .....<sup>(3)</sup> ..... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:.....<sup>(5)</sup> .....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau: .....

**Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:**

Được phép mua các loại rượu: .....<sup>(3)</sup> ..... của thương nhân sản xuất

rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau: .....<sup>(5)</sup> .....

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:....<sup>(6)</sup> ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

<sup>(2)</sup>: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

<sup>(3)</sup>: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

<sup>(4)</sup>: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

<sup>(5)</sup>: Ghi rõ tên, địa chỉ.

<sup>(6)</sup>: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

## **8. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)**

### **- Trình tự, cách thức thực hiện:**

+ Đại diện tổ chức đến nộp hồ sơ và phí thẩm định (kiểm tra) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương.

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong thời hạn 7 (bảy) ngày sẽ tổ chức kiểm tra, thẩm định, nếu đạt thì cấp Giấy phép sản xuất rượu theo quy định; nếu không đạt thì từ chối cấp (có văn bản trả lời nêu rõ lý do).

### **- Cách thức thực hiện**

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương: Trung tâm hành chính công, tầng 2 trụ sở liên cơ quan, Quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (theo Mẫu số 02)

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tham gia lĩnh vực hoạt động sản xuất rượu theo đúng quy định.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng.

(Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính)

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung

(Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ về kinh doanh rượu).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.

+ Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

+ Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

(Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu)

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

+ Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

+ Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá;

+ Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

**Mẫu số 02****TÊN THƯƠNG  
NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP .....(1).....**Kính gửi: .....<sup>(2)</sup> .....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính: ..... Điện thoại: ..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do .....cấp ngày ... tháng..... năm .....

Giấy phép.....<sup>(1)</sup> ..... đã được cấp số..... do ..... cấp ngày /tháng/ năm .....

Giấy phép...<sup>(1)</sup>...đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ..... do ..... cấp ngày.....tháng ..... năm ...

.....<sup>(3)</sup> ..... đề nghị .....<sup>(2)</sup>.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép....<sup>(1)</sup> ....., với lý do cụ thể như sau:

Thông tin cũ: .....

Thông tin mới: .....<sup>(4)</sup> .....

.....<sup>(3)</sup> ..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 17/2020 /NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))***Chú thích:**

<sup>(1)</sup>: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

<sup>(2)</sup>: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

<sup>(3)</sup>: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

<sup>(4)</sup>: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

## **9. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)**

### **- Trình tự, cách thức thực hiện:**

+ Đại diện tổ chức đến nộp hồ sơ và phí thẩm định (kiểm tra) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương sẽ có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ trong thời hạn 7 (bảy) ngày sẽ tổ chức kiểm tra, thẩm định, nếu đạt thì cấp Giấy phép sản xuất rượu theo quy định; nếu không đạt thì từ chối cấp (có văn bản trả lời nêu rõ lý do).

### **- Cách thức thực hiện**

Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Công Thương: Trung tâm hành chính công, tầng 2 trụ sở liên cơ quan, Quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ bao gồm:

#### **\*) Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực:**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

3. Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000).

4. Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

6. Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.

**\*) Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:** 01 bộ hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 17 và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có); Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tham gia lĩnh vực hoạt động sản xuất rượu theo đúng quy định.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

- **Phí thẩm định:** 2.200.000 đồng.

(Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 01

(Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về kinh doanh rượu).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.

+ Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

+ Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

+ Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

+ Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

(Nghị định số 17/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh rượu)

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

+ Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

+ Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá;

+ Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.



**Mẫu số 03****TÊN THƯƠNG NHÂN**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại giấy phép .....(1).....****(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>.....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Địa điểm kinh doanh:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do...cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép .....<sup>(1)</sup>.... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...Giấy phép...<sup>(1)</sup>....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm ..........<sup>(3)</sup>..... đề nghị .....<sup>(2)</sup>..... xem xét cấp lại Giấy phép .....<sup>(1)</sup>....., với lý do cụ thể như sau: .....<sup>(4)</sup> .......<sup>(3)</sup>.....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**<sup>(1)</sup>: Loại giấy phép: bán buôn rượu.<sup>(2)</sup>: Cơ quan cấp phép: Sở Công Thương.<sup>(3)</sup>: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.<sup>(4)</sup>: Lý do xin cấp lại.

## IV. LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

### 1. Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

#### - **Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

#### - **Cách thức thực hiện**

- Qua bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương qua Trung tâm Phục vụ hành chính công

#### - **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Thành phần hồ sơ, bao gồm:*

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018.

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

c) Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

d) Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

#### - **Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

- **Phí thẩm định:**- Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ

kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;

c) Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

d) Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**Phụ lục 21**  
**TÊN THƯƠNG NHÂN**                      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 -----                                      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

Số:     /...                                      ....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương .....(1)

1. Tên thương nhân:.....
  2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
  3. Điện thoại:..... Fax:.....;
  4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do  
 ..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký  
 thay đổi lần thứ ..... ngày ..... tháng..... năm.....;
  5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):  
 - Tên: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị Sở Công Thương .....(1) xem xét cấp Giấy phép bán  
 buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:
6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:  
 - Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm  
 thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:  
 .....(2)  
 - Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành  
 phố.....(1)
  7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:  
 .....(3)

...(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị  
 định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi  
 tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về  
 kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định  
 số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều  
 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15  
 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều  
 kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương,  
 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công  
 Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh  
 doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin  
 cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách  
 nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
*(họ và tên, ký tên, đóng dấu)*

**Chú thích:**

- (1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự định xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

## 2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

### - **Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân  
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

### - **Cách thức thực hiện:**

- Qua bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương qua Trung tâm Phục vụ hành chính công

### - **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Thành phần hồ sơ, bao gồm:*

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo Phụ lục 44 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018.

b) Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

c) Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

d) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

### - **Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

- **Phí thẩm định:** Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ; Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

### - **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo Phụ lục 44 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018

### - **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;*

### - **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

**Phụ lục 44**

**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương

1. Tên thương nhân : .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... do.....  
cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ .....  
ngày ..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):  
- Tên: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:..... Fax:.....
6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá  
số..... ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá  
(sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ..... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)  
.....(1).....

...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp  
sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như  
sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một  
trong các đề nghị dưới đây):

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng  
nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh  
doanh,...)

Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:  
Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc  
lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

Đề tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố .....

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)



.....(*ghi rõ tên thương nhân*)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

***Chú thích:***

- (1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

### 3. Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

#### - **Trình tự thực hiện:**

- Thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Sở Công Thương kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân  
- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

#### - **Cách thức thực hiện:**

- Qua bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)

- Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương qua Trung tâm Phục vụ hành chính công.

#### - **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:* (Áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới)

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo Phụ lục 21 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018.

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

c) Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

d) Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

đ) Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

e) Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp.

*Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy*

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo Phụ lục 50 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018

b) Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

c) Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

#### - **Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Sở Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

- **Phí, lệ phí:** Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Phụ lục 50 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

*Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*



#### **4. Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

##### **- Trình tự thực hiện:**

+ Doanh nghiệp bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) cho Sở Công Thương qua Trung tâm Phục vụ hành chính Công;

+ Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày, làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

##### **- Thành phần hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

+ Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm 1 trong 2 loại sau:

*Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn của các thương nhân bán lẻ; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của các thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn của doanh nghiệp xin cấp phép.*

*Bản sao Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh của DN hoặc GCN địa điểm kinh doanh của DN để kinh doanh rượu.*

+ Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu:

*Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;*

*Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.*

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- **Phí thẩm định:** - Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ. Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ

kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi thương nhân đặt trụ sở chính với ít nhất 03 thương nhân bán lẻ rượu.

+ Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

**Mẫu số 01**  
**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

.....<sup>(1)</sup>  
 Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Địa điểm kinh doanh: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....  
 do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị .....<sup>(2)</sup> ... xem xét cấp Giấy phép .....<sup>(1)</sup> ....., cụ thể là:

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....<sup>(5)</sup>  
 Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

.....<sup>(6)</sup> ..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

**Chú thích:**

(1): Loại giấy phép: bán buôn rượu

(2): Cơ quan cấp phép: Sở Công Thương.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

## **5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, doanh nghiệp bán buôn rượu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) cho Sở Công Thương qua Trung tâm Phục vụ hành chính công;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- *Thành phần hồ sơ gồm:*

+ *Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;*

+ *Bản sao giấy phép đã được cấp;*

+ *Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.*

- *Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- **Phí thẩm định:** Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ; Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ *Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.*

+ *Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi thương nhân đặt trụ sở chính với ít nhất 03 thương nhân bán lẻ rượu.*

+ *Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;



*Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

**Mẫu số 02**

**TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**Kính gửi: .....<sup>(2)</sup> .....

Tên thương nhân: .....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Địa điểm kinh doanh: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....  
do..... cấp ngày .....tháng..... năm.....;Giấy phép .....<sup>(1)</sup>..... đã được cấp số..... do... cấp ngày ... tháng ... nămGiấy phép .....<sup>(1)</sup>..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu  
có) số .....do..... cấp ngày..... tháng..... năm ..........<sup>(3)</sup>..... đề nghị .....<sup>(2)</sup>.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ  
sung) Giấy phép.....<sup>(1)</sup>....., với lý do cụ thể như sau:**1. Sửa đổi:**

Thông tin cũ: .....

Thông tin mới: .....<sup>(4)</sup> .....**2. Bổ sung:** .....<sup>(4)</sup> ..........<sup>(3)</sup>..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực  
hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm  
2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05  
tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị  
định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước  
của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai,  
xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**<sup>(1)</sup>: Loại giấy phép: bán buôn rượu.<sup>(2)</sup>: Cơ quan cấp phép: Sở Công Thương.<sup>(3)</sup>: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.<sup>(4)</sup>: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

## **6. Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

### **- Trình tự thực hiện:**

*Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:*

Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Thành phần hồ sơ, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

*Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:*

+ Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Sở Công Thương qua Trung tâm Phục vụ hành chính công;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại giấy phép. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

+ Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép;

+ Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.

### **- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:*

Thành phần hồ sơ áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

*Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:*

*Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).*

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- **Phí thẩm định:** Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ; Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

+ Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi thương nhân đặt trụ sở chính với ít nhất 03 thương nhân bán lẻ rượu.

+ Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác

+ Đối với trường hợp giấy phép bị hết hạn, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.



## V. Kinh doanh khí

### 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

#### - *Trình tự thực hiện:*

Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) cho Sở Công Thương qua Trung tâm hành chính Công;

Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

#### - *Cách thức thực hiện:*

Qua bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)

Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương qua Trung tâm hành chính công

#### - *Thành phần hồ sơ*

*Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.*

*Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.*

*Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.*

*Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.*

*Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG, ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này phải bổ sung các giấy tờ sau:*

*a) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;*

*b) Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.*

*Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.*

*- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ*

*- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

*- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân kinh doanh mua bán LPG*

*- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương*

*- Phí, Lệ phí:*

+ Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ; Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

+ Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo mẫu Phụ lục số 03 Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

Có bồn chứa khí đáp ứng các quy định về an toàn hoặc có chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường hoặc có hợp đồng thuê bồn, thuê chai LPG;

Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có đường ống vận chuyển khí và trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**Mẫu số 03****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG**

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang.

Tên thương nhân: .....

Tên giao dịch đối ngoại: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  
số: .....do .....

cấp ngày.... tháng.... năm .....

Mã số thuế: .....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



## **1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG**

### **- Trình tự thực hiện:**

Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) cho Sở Công Thương qua Trung tâm hành chính Công;

Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thời hạn của Giấy chứng nhận là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

### **- Cách thức thực hiện:**

Qua bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)

Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương qua Trung tâm hành chính công

### **- Thành phần hồ sơ:**

+ Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

+ Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

+ Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

+ Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LNG ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải bổ sung tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định này hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đã được cấp Giấy chứng nhận còn hiệu lực.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân kinh doanh kinh doanh mua bán LNG

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương

- **Phí, Lệ phí:** : - Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ; Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- ***Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

- ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP

- ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có đường ống vận chuyển khí và trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật

Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LNG ngoài điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP phải có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật

- ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

+ Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

+ *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

Mẫu số 03

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG**

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân: .....

Tên giao dịch đối ngoại: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....do .....  
cấp ngày.... tháng.... năm .....

Mã số thuế: .....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

....., ngày....tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## **1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG**

### **- Trình tự thực hiện:**

+ Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) cho Sở Công Thương qua Trung tâm hành chính Công;

+ Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

### **- Cách thức thực hiện:**

Qua bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)

Nộp trực tiếp tại Sở Công Thương qua Trung tâm hành chính công

### **Thành phần hồ sơ:**

Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2017/NĐ-CP.

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 2,3,4 Điều 38 Nghị định số 87/NĐ-CP phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài giấy tờ quy định tại khoản 2,4 Điều 38 Nghị định 87/2017/NĐ-CP phải bổ sung:

- Tài liệu chứng minh có xe bồn CNG đã được kiểm định còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh có trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;

- Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

- **Số lượng bộ hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** thương nhân kinh doanh mua bán CNG.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Công Thương.

**Phí, Lệ phí:** - Đối với thành phố: Phí thẩm định: 1.200.000đ/1 lần/hồ sơ; Đối với khu vực ngoài thành phố mức thu bằng 50% mức thu tương ứng quy định như trên.

- Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh

có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

1. Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí gồm:

Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 87/2017/NĐ-CP còn phải có đường ống vận chuyển khí và trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

3. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và phải có xe bồn CNG, trạm nén CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/03/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG**

Kính gửi: Sở Công Thương.

Tên thương nhân: .....

Tên giao dịch đối ngoại: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: .....do .....  
 cấp ngày.... tháng.... năm .....

Mã số thuế: .....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

..., ngày...tháng...năm...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)